SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 28/09/2023; 9:14:32 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 255 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày 27 tháng 9 năm 2023*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và Chương trình hành động số 50-CTr/TU, ngày 23/6/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 23/6/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 50-CTr/TU), Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 50-CTr/TU, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp chính quyền, quân và dân thành phố, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững thành phố trong tình hình mới.

Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 50-CTr/TU.

2. Yêu cầu:

Cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp; xác định rõ nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

Kết hợp việc triển khai thực hiện Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch phát triển sẵn có của thành phố, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; kế thừa, phát huy những kết

quả đạt được trong các lĩnh vực phát triển công nghệ sinh học trong giai đoạn vừa qua; căn cứ thực tiễn đề ra những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khả thi, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Công nghệ sinh học được ứng dụng rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt trong việc xây dựng và phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc thù của thành phố, góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

- Xây dựng nền công nghệ sinh học, nhất là công nghệ sinh học biển có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Phát triển công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, tăng dần tỷ lệ đóng góp vào Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP).

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng thành phố Hải Phòng có nền công nghệ sinh học hiện đại, trung tâm công nghệ sinh học biển phát triển của cả nước; trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học mang tầm quốc tế; công nghiệp sinh học trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ an sinh xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, phổ biến về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 50-CTr/TU đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công nghệ sinh học, về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân; giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học và khả năng ứng dụng; tuyên truyền khuyến khích các cấp, các ngành, người dân sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học sản xuất trong nước trên báo chí, đài phát thanh truyền hình và các loại hình thông tin điện tử, phù hợp với từng đối tượng.

- Xây dựng các chuyên đề, tổ chức các cuộc toạ đàm, hội nghị, hội thảo nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, đề xuất các giải pháp, phổ biến nhân rộng các mô hình phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học hiệu quả trong sản xuất và đời sống; kết nối doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy hợp tác, ứng dụng, phát triển công nghệ, sản phẩm.

2. Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tại thành phố Hải Phòng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

- Rà soát các cơ chế, chính sách hiện có, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định, chính sách:

+ Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới.

+ Khuyến khích, hỗ trợ triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất.

+ Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; đầu tư phát triển công nghiệp sinh học phù hợp với đặc thù của thành phố, thành lập các khu, cụm công nghiệp công nghệ cao.

+ Thu hút, sử dụng và đãi ngộ đối với các nhà khoa học đầu ngành, đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn cao tham gia các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sinh học của thành phố.

- Ưu tiên phê duyệt, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong khuôn khổ các Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

- Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất chất lượng và thương mại hoá sản phẩm trong khuôn khổ các chương trình, kế hoạch khoa học và công nghệ trọng điểm của thành phố.

3. Phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong phục tráng, bảo tồn các nguồn gen quý hiếm của thành phố; cải thiện nguồn giống cây trồng thoái hóa, nhân nhanh các giống cây bản địa có đặc tính ưu việt.

- Nghiên cứu thử nghiệm, chọn tạo, cải tiến tính trạng quý trên các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới, có đặc tính ưu việt, có năng suất, chất lượng cao, sạch bệnh, kháng sâu bệnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện của địa phương, có năng suất, chất lượng, mang lại giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu, ứng dụng các chế phẩm sinh học thế hệ mới phục vụ phòng, trị bệnh vật nuôi, thủy sản; sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản, đặc biệt trong xử lý các phế phẩm, phụ phẩm, chất thải từ sản xuất nông nghiệp và công nghệ chế biến, sản xuất phân bón từ phụ phẩm nông nghiệp. Xây dựng và áp dụng rộng rãi các quy trình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản theo hướng an toàn sinh học; các chế phẩm nâng cao sức đề kháng và các chất phụ gia thức ăn được phép sử dụng.

- Ứng dụng và làm chủ công nghệ chẩn đoán, kiểm soát dịch bệnh và chất lượng nông, lâm, thuỷ sản; ứng dụng thiết bị chẩn đoán, phát hiện nhanh, kiểm định, đánh giá chất lượng con giống; phát hiện nhanh, giám định tác nhân gây một số bệnh nguy hiểm, bệnh mới phát sinh; kiểm soát dư lượng các chất cấm trong sản phẩm nông, lâm, thủy sản; giám định, đánh giá độ phì nhiêu đất trồng trọt, đánh giá nguồn nước tưới phục vụ sản xuất; ứng dụng vắc xin thế hệ mới, thuốc thú y sinh học phòng bệnh vật nuôi, thủy sản.

- Phát triển và làm chủ công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học quy mô công nghiệp, như: phân bón vi sinh, thuốc, chế phẩm sinh học trong bảo quản, chế biến, xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe con người, vật nuôi.

- Ứng dụng công nghệ sinh học xử lý nguồn nước, chất thải chăn nuôi; nuôi trồng, chế biến thủy sản.

4. Phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong việc xác định các vi sinh vật gây bệnh hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, điều trị các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán các đột biến kháng thuốc của các vi sinh vật gây bệnh, hỗ trợ cho việc quản lý và giám sát sự đề kháng thuốc của các vi sinh vật gây bệnh.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán các đột biến trên gen hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, điều trị các bệnh ung thư, các bệnh lý về di truyền.

- Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ cho công tác ghép tạng và trong công nghệ tế bào gốc.

- Nghiên cứu, sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược và sinh vật biển.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải y tế.

5. Phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường, ưu tiên nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các sản phẩm, bộ kit thử nhanh, cảm biến sinh học (biosensor) được chế tạo từ các phương pháp phân tử, nano sinh học, vật liệu di truyền và các sinh vật chỉ thị để đánh giá chất lượng môi trường, quan trắc môi trường, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghiệp sinh học môi trường trong sản xuất, ứng dụng chế phẩm, vật liệu sinh học xử lý các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

- Phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, sản phẩm, thiết bị sinh học trong xử lý, ứng phó các sự cố môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường và các hệ sinh thái.

- Ứng dụng công nghệ sinh học môi trường trong tái chế và sản xuất các sản phẩm, vật liệu thân thiện môi trường.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để lưu giữ, bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên, đa dạng sinh học.

6. Phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp

- Phát triển, sản xuất và ứng dụng các chế phẩm vi sinh và sản phẩm thứ cấp từ công nghiệp vi sinh, công nghệ sinh khối vi sinh vật, các chất bảo quản, phụ gia, màu thực phẩm, axit hữu cơ, axit amin, protein..., sản phẩm enzyme (bao gồm cả protein, enzyme tái tổ hợp).

- Phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất các loại thực phẩm lên men: Thực phẩm, đồ uống lên men, đồ uống chứa probiotic, sản phẩm đồ uống có độ cồn thấp, nước giải khát có nguồn gốc tự nhiên (thực vật, vi sinh vật), các sản phẩm đồ uống chế biến từ hạt, ngũ cốc (gạo, ngô…); sử dụng bao gói thông minh, thân thiện môi trường bằng vật liệu nano phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của người Việt Nam, xu hướng phát triển trong khu vực và thế giới.

- Phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất các loại nguyên liệu sinh hóa học sử dụng trong dược phẩm, các thực phẩm an toàn, tốt cho sức khỏe (thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm có chứa các chất có hoạt tính sinh học); hỗ trợ phòng ngừa các bệnh trên cơ thể người có nguồn gốc từ thực vật, vi sinh vật, nấm, sinh vật biển,...

- Phát triển các chế phẩm sinh học trong công tác bảo vệ môi trường, các khu chế biến, các chế phẩm trong bảo quản thực phẩm; các hoạt chất, chế phẩm sinh học, nguyên liệu phục vụ sản xuất thức ăn, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy, hải sản; chế biến cho các đối tượng nuôi thủy, hải sản chủ lực (đặc biệt cho nuôi biển), các sản phẩm từ thịt có chất lượng cao, giá thành giảm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành dệt may, da giầy, giấy, dầu thực vật, cao su, nhựa,…

- Phát triển công nghệ nuôi cấy vi tảo biển bằng các hệ thống quang sinh phối kết hợp (quang sinh, dị dưỡng và tạp dưỡng,…) nhằm tăng cường khả năng tăng sinh khối, giảm chi phí sản xuất trong sản xuất ethanol sinh học, diesel sinh học, các chất phụ trợ trong quá trình sản xuất, bảo quản, tàng trữ nhiên liệu sinh học đáp ứng lộ trình sử dụng nhiên liệu sinh học.

7. Phát triển công nghệ sinh học biển

- Tập trung nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên sinh vật biển để sản xuất thực phẩm, dược phẩm, nhiên liệu, vật liệu, hợp chất có hoạt tính sinh học; các sản phẩm chiết xuất từ sinh vật biển ứng dụng trong dân dụng và công nghiệp; các sản phẩm được tạo ra từ ADN của sinh vật biển bằng kỹ thuật di truyền hoặc sinh học tổng hợp.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến hải sản (vắcxin phòng bệnh, thức ăn, xử lý chất thải,…).

- Ứng dụng công nghệ sinh học nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn đối với Vườn Quốc gia Cát Bà, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Quần đảo Cát Bà và các khu bảo tồn biển khác.

8. Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghệ sinh học của thành phố

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học các tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực công nghệ sinh học của thành phố, chú trọng các đơn vị: Vườn Quốc gia Cát Bà, Trung tâm Phát triển khoa học - công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ); Trung tâm Khuyến Nông (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Trung tâm Quan trắc môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Sở Y tế), để đáp ứng nhu cầu đưa nhanh các thành tựu công nghệ sinh học vào thực tiễn.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Phát triển khoa học - công nghệ và Đổi mới sáng tạo trở thành trung tâm ươm tạo công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh

vực công nghệ sinh học; trưng bày, giới thiệu, bảo tồn và phát triển nguồn gen của thành phố.

- Đầu tư tăng cường tiềm lực các phòng thí nghiệm, kiểm định chất lượng nông, lâm sản và thủy sản hàng hóa, đánh giá an toàn sinh học các sản phẩm công nghệ sinh học, chuẩn hóa theo tiêu chuẩn phòng thí nghiệm được công nhận (VILAS) và xây dựng các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học tại các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Triển khai các chương trình đào tạo Stem/Steam, khởi nghiệp trong trường phổ thông gắn với công nghệ sinh học.

- Tăng cường đào tạo và thu hút nguồn nhân lực công nghệ sinh học chất lượng cao, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn thành phố trong bối cảnh mới.

9. Hợp tác trong nước và quốc tế về công nghệ sinh học

- Tăng cường quan hệ hợp tác trong và ngoài nước để tiếp nhận các kết quả nghiên cứu về công nghệ sinh học có giá trị trong sản xuất và đời sống mà thành phố và trong nước chưa có thông qua con đường viện trợ hoặc thương mại.

- Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học để đề xuất triển khai các hợp phần công việc phù hợp với Hải Phòng; chủ động xây dựng các chương trình, dự án công nghệ sinh học để đề xuất tài trợ, hỗ trợ thông qua các chương trình hợp tác trong và ngoài nước.

- Tham gia, tổ chức các hội thảo, triển lãm, chợ công nghệ và thiết bị, sự kiện trình diễn và kết nối cung - cầu công nghệ nhằm giới thiệu các thành tựu trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tạo cơ hội giao lưu, hợp tác, thúc đẩy phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn thành phố.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hợp tác và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài và những công nghệ sản xuất sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác: vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế, nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; khuyến khích nguồn vốn tự đầu tư của các doanh nghiệp hoặc đầu tư theo hình thức công - tư để phát triển công nghiệp sinh học.

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở các nội dung và nhiệm vụ ưu tiên của Kế hoạch đã được phê duyệt và được bố trí

vào dự toán ngân sách hàng năm của các ngành và địa phương được giao chủ trì nhiệm vụ.

- Các Sở, ban, ngành, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ được giao chủ trì có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, tổng hợp trong dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình, báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan chủ quản, gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và trình Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình thực hiện Kế hoạch khi có yêu cầu.

b) Chủ trì tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; khảo sát, tư vấn, hỗ trợ các hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học; thực hiện các chương trình hợp tác, trao đổi nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ứng dụng công nghệ sinh học.

c) Ưu tiên đặt hàng, tuyển chọn, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong khuôn khổ các Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

d) Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất chất lượng và thương mại hoá sản phẩm trong khuôn khổ các chương trình, kế hoạch khoa học và công nghệ trọng điểm của thành phố.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất và triển khai thực hiện các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Tăng cường công tác khuyến nông nhằm hướng dẫn người dân ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng năng suất, chất lượng và bảo vệ môi trường.

d) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

3. Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế.

b) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

b) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án nhằm ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực ngành quản lý.

c) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao chủ trì tại Phụ lục của Kế hoạch.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, tham mưu cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ sinh học trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư cho lĩnh vực công nghệ sinh học trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; huy động các nguồn vốn đầu tư, trong đó có vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc phát triển công nghệ sinh học theo quy định.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí các nguồn vốn cho việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển công nghệ sinh học, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ kinh phí hàng năm theo khả năng cân đối ngân

sách; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

8. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án về một số chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo nguồn lãnh đạo, quản lý các cấp của thành phố.

b) Chủ trì đề xuất, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao lĩnh vực công nghệ sinh học sau khi Đề án nêu trên được Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt.

9. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Tăng cường hợp tác với các địa phương và đối tác quốc tế để tìm kiếm, kết nối cơ hội hợp tác, đầu tư, phát triển lĩnh vực công nghệ sinh học, đặc biệt đối với các địa phương, đối tác có nền công nghệ sinh học phát triển.

b) Khai thác quan hệ hợp tác với các địa phương, đối tác quốc tế để thúc đẩy việc mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó có nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao phù hợp với đặc điểm của thành phố; hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển, tranh thủ những kinh nghiệm và tiếp nhận tài trợ cho phát triển công nghệ sinh học của thành phố.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố rà soát, nghiên cứu, mở rộng ngành, nghề đào tạo phục vụ phát triển công nghệ sinh học phù hợp quy định;

b) Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động để tuyển sinh, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ sinh học chất lượng cao, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ sinh học trong bối cảnh mới.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ giáo viên, học sinh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới.

b) Tăng cường công tác hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp THPT về các ngành, nghề liên quan tới hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

c) Triển khai các chương trình đào tạo Stem/Steam, khởi nghiệp trong trường phổ thông gắn với công nghệ sinh học.

12. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng có trách nhiệm:

a) Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 50-CTr/TU; về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; phối hợp với Cổng Thông tin điện tử thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền cho các cơ quan truyền thông phục vụ công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

b) Báo Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các ngành, các cấp và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân; tuyên truyền các kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; giới thiệu các tiến bộ kỹ thuật, nêu gương các điển hình tiên tiến trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

10. Các Sở, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa và kết quả của các thành tựu về phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân đề xuất, triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

11. Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở, ban, ngành, đoàn thể phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 50-CTr/TU và Kế hoạch này đến người dân, doanh nghiệp. Ưu tiên lồng ghép nội dung Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và dài hạn của địa phương.

b) Hỗ trợ các các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tiếp cận các công nghệ mới, tham gia phối hợp thực hiện các dự án, đề án thuộc Kế hoạch.

c) Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, hợp tác xã đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp với kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

12. Đề nghị các trường đại học trên địa bàn thành phố có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bổ sung các bộ môn đào tạo, tập huấn kiến thức về công nghệ sinh học. Đào tạo, bồi dưỡng

các cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và kỹ thuật viên về lĩnh vực công nghệ sinh học có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tăng cường năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

13. Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã:

Các đơn vị có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này tiến hành đăng ký với các Sở, ngành được phân công chủ trì để xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và Chương trình hành động số 50-CTr/TU, ngày 23/6/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ KH&CN;
- VPCP;
- Thường trực TU;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Các Phòng: VX, NC&KTGS;
- CV: KHCN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC

Các đề án, nhiệm vụ trọng tâm

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 255 /KH-UBND ngày 27/9/2023 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	**Thông tin, tuyên truyền**				
1	Tuyên truyền, phổ biến về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Các chương trình, sản phẩm truyền thông	Hằng năm
II	**Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách ưu tiên**				
1	Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tại thành phố Hải Phòng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Đề án	2024
2	Rà soát, tham mưu chính sách khuyến khích hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ; khai thác, sử dụng phát minh, sáng chế để phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Cơ chế, chính sách	2024
3	Rà soát, tham mưu chính sách về thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ sinh học trên địa bàn thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành có liên quan	Cơ chế, chính sách	2024
4	Rà soát, tham mưu chính sách khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu thành lập cụm công nghiệp công nghệ cao	Sở Công Thương	Các sở, ngành có liên quan	Cơ chế, chính sách	2024
III	**Phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực**				
1	Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quyết định số Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Nông nghiệp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Kế hoạch	2024
2	Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển	Các sở, ngành, đơn vị	Đề án	2024

	thành phố Hải Phòng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	nông thôn	liên quan		
3	Tham mưu UBND thành phố triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của ngành theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	-	2024
4	Ứng dụng kỹ thuật Realtime RT- PCR trong chẩn đoán các bệnh về da và lây truyền qua đường tình dục	Sở Y tê	Các đơn vị liên quan	-	2024-2030
5	Ứng dụng công nghệ sinh học xét nghiệm phòng chống dịch bệnh	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	-	2024-2030
6	Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên sinh vật biển để sản xuất thực phẩm, dược phẩm, nhiên liệu, vật liệu, hợp chất có hoạt tính sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp	Các sản phẩm công nghệ sinh học	Hằng năm
7	Ứng dụng công nghệ sinh học nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn đối với Vườn Quốc gia Cát Bà, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Quần đảo Cát Bà và các khu bảo tồn biển khác	Vườn Quốc gia Cát Bà, Ban Quản lý các khu bảo tồn biển	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành liên quan	-	Hằng năm
IV	**Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghệ sinh học**				
1	Đề án xây dựng Trung tâm Phát triển khoa học - công nghệ và Đổi mới sáng tạo trở thành trung tâm bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm; trung tâm ươm tạo công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ sinh học của thành phố.	Trung tâm Phát triển KH-CN và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ngành có liên quan	Đề án	2023-2024
2	Đề án tăng cường năng lực nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông. Lâm nghiệp, thủy sản cho Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng	Trung tâm Khuyến Nông	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Đề án	2023-2024

3	Đề án tăng cường năng lực nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học cho Vườn Quốc gia Cát Bà	Vườn Quốc gia Cát Bà	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Đề án	2023-2024
4	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao lĩnh vực công nghệ sinh học	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	-	2024
5	Triển khai các chương trình đào tạo Stem/Steam, khởi nghiệp trong trường phổ thông gắn với công nghệ sinh học	Sở Giáo dụ và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	-	2024-2030
V	**Hợp tác trong nước và quốc tế về công nghệ sinh học**				
1	Tham gia, tổ chức các hội thảo, triển lãm, chợ công nghệ và thiết bị, sự kiện trình diễn và kết nối cung - cầu công nghệ có yếu tố quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; các đơn vị liên quan	Các sự kiện	Hằng năm
2	Tổ chức tham quan, khảo sát, tìm kiếm công nghệ, cơ hội hợp tác về phát triển công nghệ sinh học tại nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; các đơn vị liên quan	Các chuyến khảo sát	Hằng năm